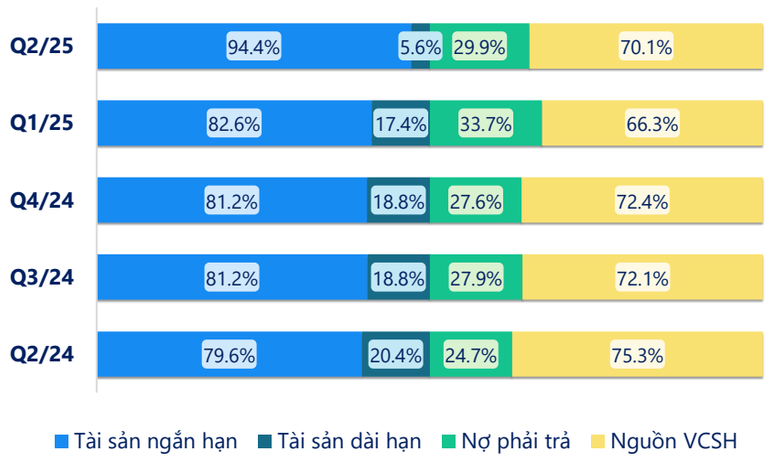
FireAnt

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,900
SL cổ phiếu LH	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	430
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20
P/E	-18.8
EPS	-544

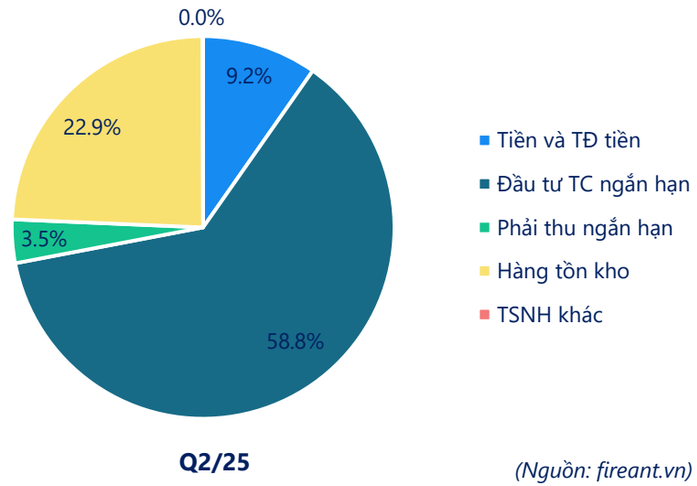
	YTD	1T	3T	6T
VTS	-14.3%	-6.4%	-18.4%	-26.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



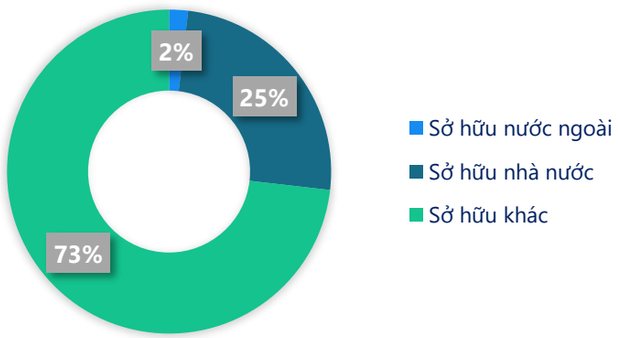
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



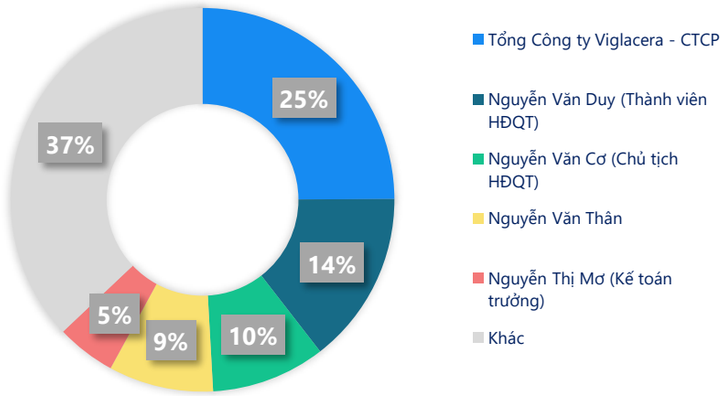
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



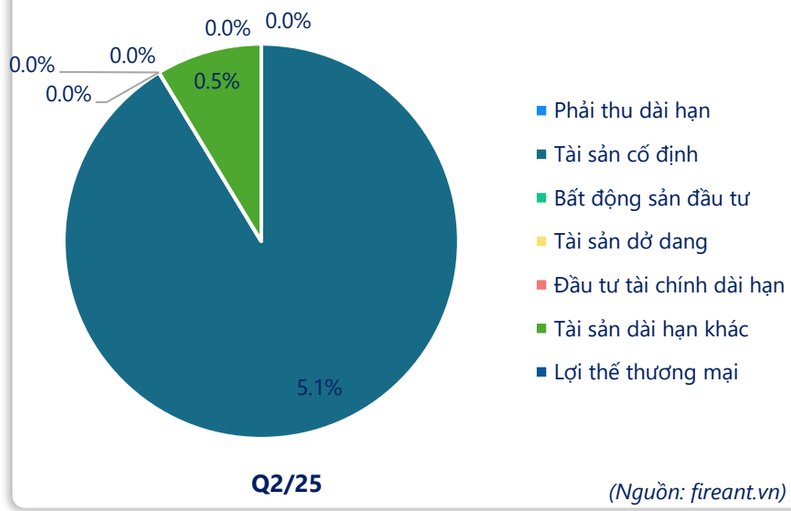
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

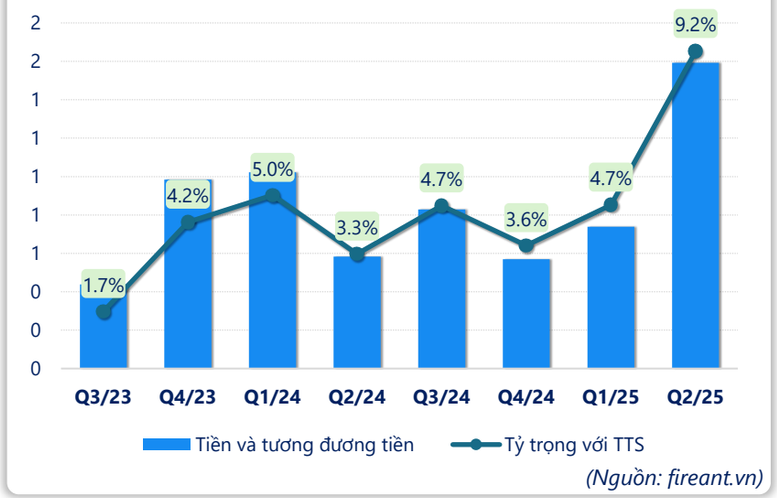


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

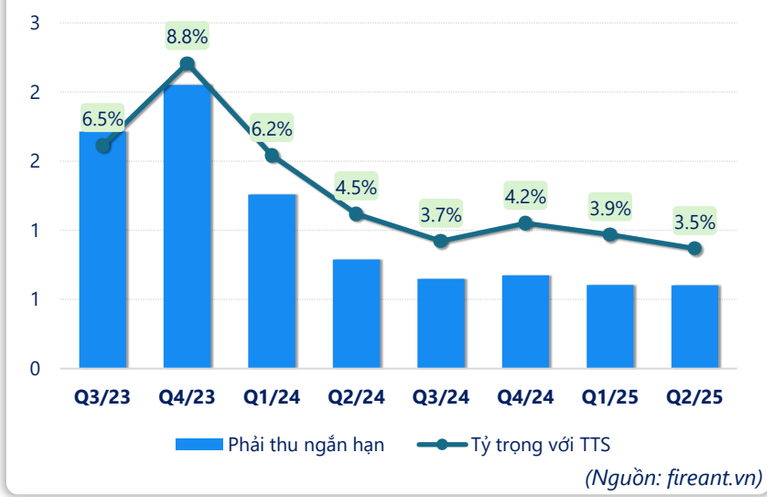
CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

Tiền và tương đương tiền



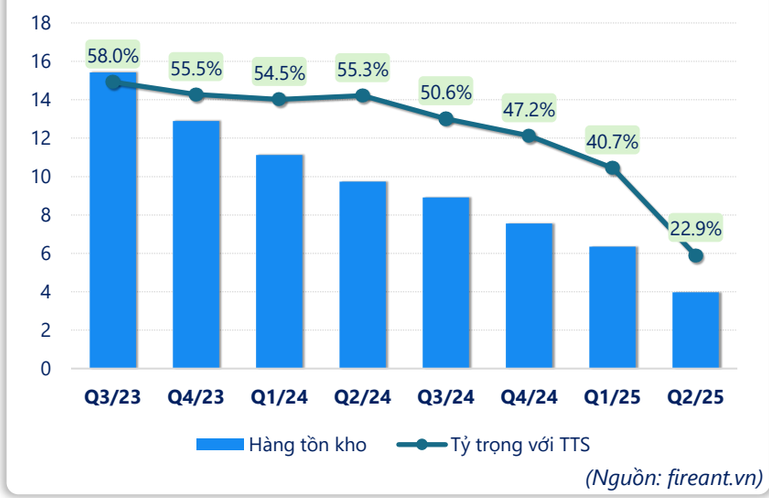
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



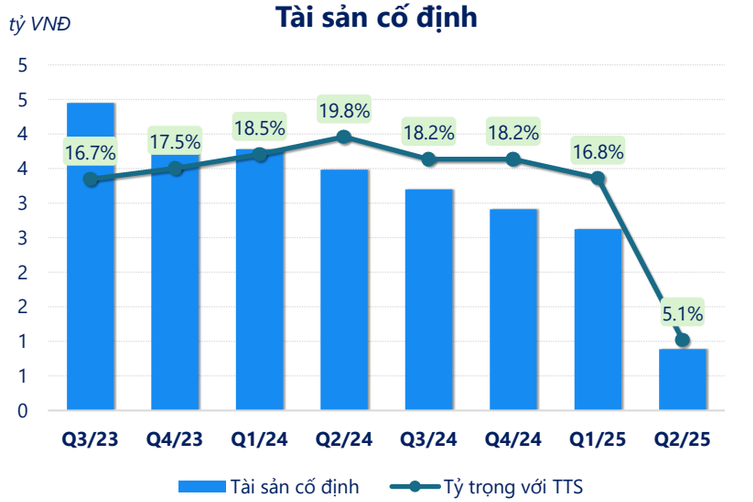
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



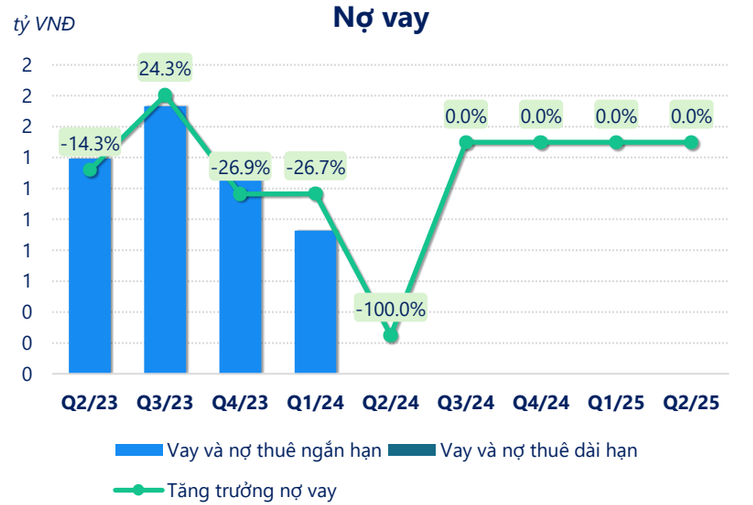
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



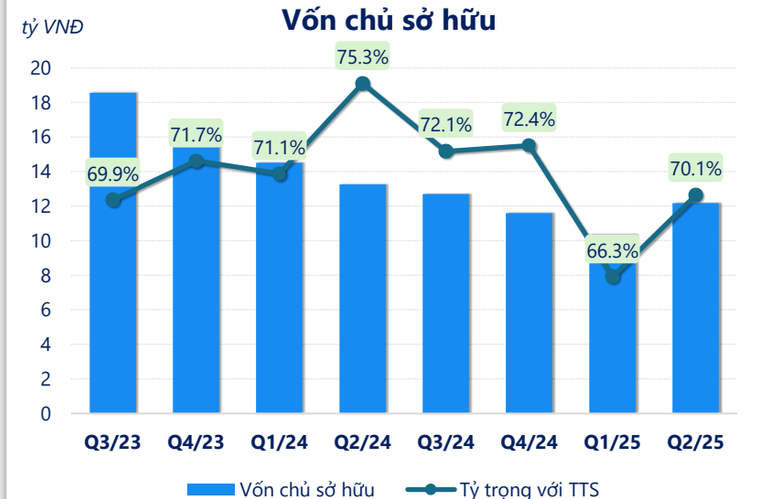
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

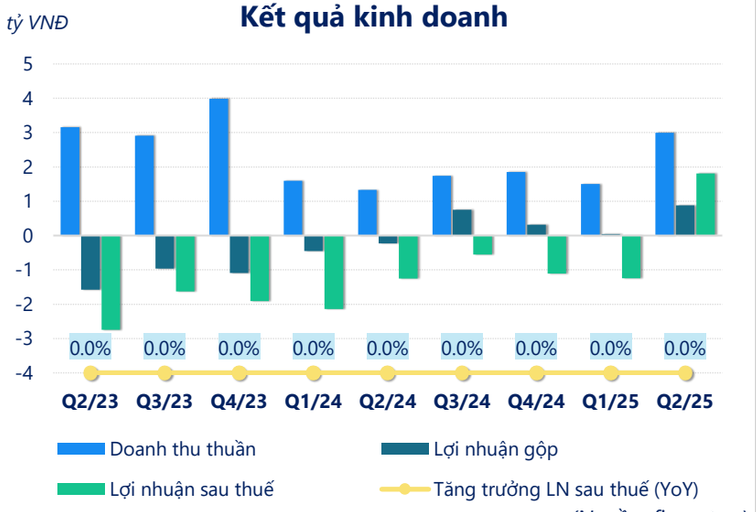


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

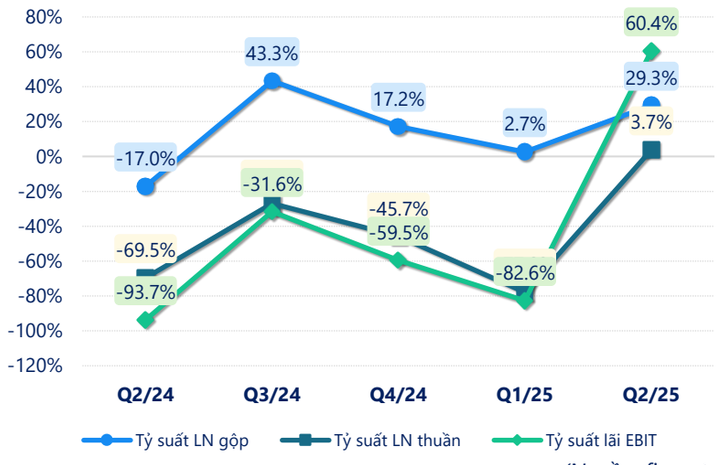
CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

Kết quả kinh doanh



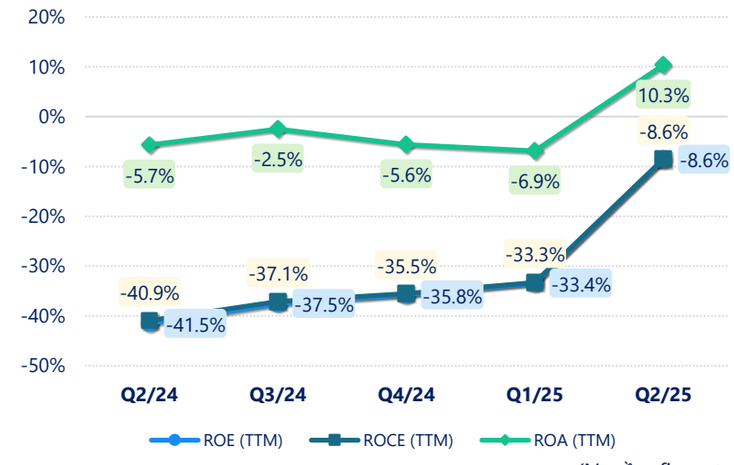
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



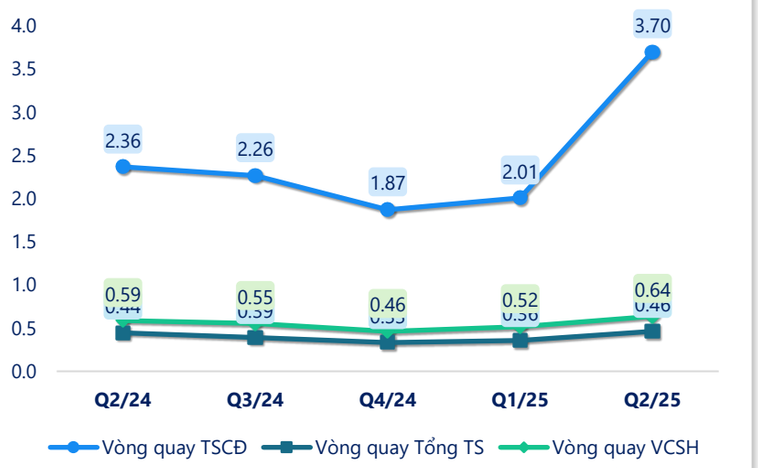
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



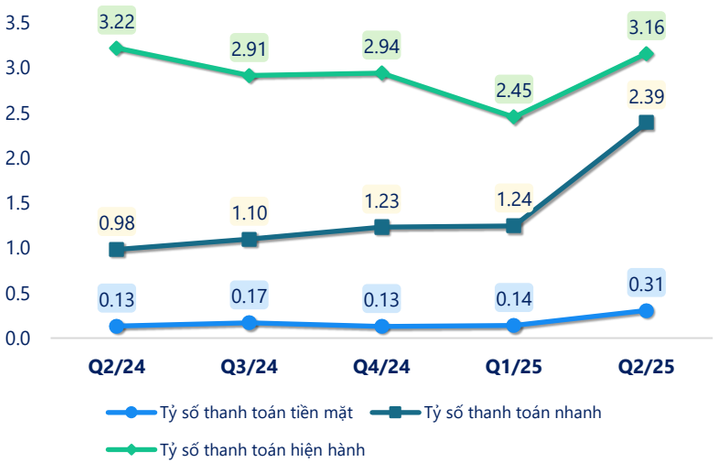
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



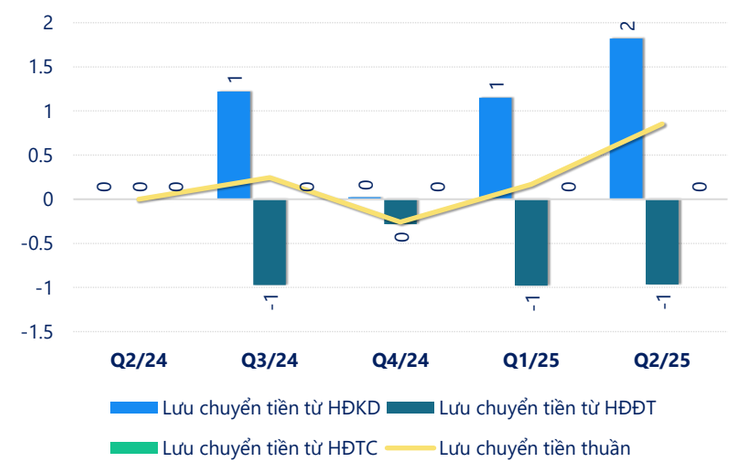
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**17.4**	**16.0**	**8.4%**
Tài sản ngắn hạn	16.4	13.0	26.0%
Tiền và tương đương tiền	1.59	0.57	179%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.2	4.20	143%
Phải thu ngắn hạn	0.60	0.67	-10.5%
Hàng tồn kho	3.98	7.55	-47.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	120%
Tài sản dài hạn	**0.97**	**3.01**	**-67.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.89	2.91	-69.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.08**	**0.10**	**-18.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.19	4.42	17.4%
Nợ ngắn hạn	**5.19**	**4.42**	**17.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.77	2.78	-0.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**12.2**	**11.6**	**4.9%**
Vốn chủ sở hữu	**12.2**	**11.6**	**4.9%**
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1.33	1.74	1.85	1.50	2.99
Giá vốn hàng bán	1.56	0.99	1.53	1.46	2.11
Lợi nhuận gộp	-0.23	0.76	0.32	0.04	0.88
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.04	0.05	0.08
Chi phí TC	0.01	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.01	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.30	0.30	0.40	0.24	0.17
Chi phí QLDN	0.41	0.95	0.80	1.01	0.67
LN thuần từ HĐKD	-0.93	-0.47	-0.85	-1.17	0.11
Lợi nhuận khác	-0.33	-0.08	-0.26	-0.07	1.70
LN trước thuế	-1.26	-0.55	-1.10	-1.24	1.81
Lợi nhuận sau thuế	-1.26	-0.55	-1.10	-1.24	1.81
LNST của CĐ cty mẹ	-1.26	-0.55	-1.10	-1.24	1.81

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	1.22	0.02	1.15	1.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.97	-0.28	-0.98	-0.97
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0.58	0.83	0.57	0.74
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0.25**	**-0.26**	**0.17**	**0.85**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0	0.83	0.57	0.74	1.59

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic